

KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

• TS. Phùng Thị Hằng (*)

Tóm tắt

Bài báo đề cập đến khái niệm khó khăn tâm lý trong học tập; trình bày kết quả khảo sát và phân tích thực trạng khó khăn tâm lý trong học tập của học sinh Tiểu học là người dân tộc thiểu số khu vực Đông Bắc Việt Nam biểu hiện qua 3 mặt: nhận thức, xúc cảm - thái độ và kỹ năng học tập, nguyên nhân dẫn đến khó khăn tâm lý trong học tập của học sinh. Trên cơ sở đó, bài báo nêu ra phương hướng khắc phục, giúp học sinh dân tộc thiểu số thích ứng tốt hơn với hoạt động học tập ở nhà trường.

Từ khoá: dân tộc thiểu số, học sinh, khó khăn tâm lý, tiểu học, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo của học sinh (HS) nói chung, học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng. Thực tế cho thấy, người học dù ở lứa tuổi nào khi tham gia vào hoạt động học tập đều có thể gặp phải những trở ngại, khó khăn nhất định. Đối với HS DTTS, đặc biệt là HS Tiểu học (HSTH) người DTTS, do ảnh hưởng của những yếu tố khách quan như: điều kiện, phương tiện hoạt động của nhà trường, môi trường sống ở miền núi, phong tục tập quán của dân tộc...; những yếu tố chủ quan như: tính cách cá nhân, vốn kinh nghiệm sống, mức độ thích ứng với hoạt động học tập-hoạt động chủ đạo mới mẻ ở nhà trường..., trong quá trình học tập, ở các em có thể xuất hiện những khó khăn tâm lý (KKTL) đặc trưng. Đó là những nét tâm lý tiêu cực, nảy sinh, tồn tại trong quá trình học tập của HS DTTS, gây cản trở đối với tiến trình và kết quả học tập của các em. Những khó khăn này có thể phân thành ba loại: KKTL có liên quan đến mặt nhận thức của HS; KKTL có liên quan đến mặt xúc cảm, thái độ của HS; KKTL có liên quan đến kỹ năng học tập của HS. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến một số KKTL trong hoạt động học tập của HSTH là người DTTS khu vực Đông Bắc Việt Nam - địa bàn cư trú của nhiều đồng bào các DTTS như: Tày, Nùng, Mông, Dao, Cao Lan, Sán Chỉ... Việc phát hiện những KKTL trong học tập của HSTH người DTTS là việc làm cần thiết, giúp các nhà giáo dục có cơ sở thực tiễn để lựa chọn các phương pháp dạy học và giáo dục phù hợp, có hiệu quả.

2. Khách thể điều tra, phương pháp nghiên cứu và thời gian khảo sát

- Khách thể điều tra: Chúng tôi tiến hành điều tra trên số lượng khách thể gồm 560 HSTH và 238 giáo viên (GV) Tiểu học thuộc các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

- Phương pháp nghiên cứu: Chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp như điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, trò chuyện, quan sát hoạt động của HS...; đồng thời sử dụng toán thống kê và phần mềm SPSS để xử lý các kết quả nghiên cứu.

Để tìm hiểu ý kiến của GV và HS về KKTL trong học tập của HSTH là người DTTS, chúng tôi yêu cầu GV, HS xác định và đánh giá mức độ biểu hiện của từng khó khăn theo thang điểm: 3 điểm (dành cho mức “thường xuyên gặp khó khăn”); 2 điểm (dành cho mức “đôi khi gặp khó khăn”); 1 điểm (dành cho trường hợp “không khó khăn”). Chúng tôi tiến hành tính điểm trung bình (ĐTB) cho các KKTL theo thang điểm đánh giá. Dựa trên ĐTB, chúng tôi phân loại các mức độ KKTL theo quy ước: $\bar{X} < 2$: mức độ ít gặp khó khăn; từ 2 đến 2,49: \bar{X} KKTL ở mức độ trung bình; \bar{X} từ 2,5 đến 3: KKTL ở mức độ cao.

- Thời gian khảo sát: Chúng tôi tiến hành khảo sát thực tiễn vào học kỳ 2 của năm học 2010 – 2011.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đánh giá của GV Tiểu học về các biểu hiện của KKTL trong học tập ở HS

Để có sự đánh giá khách quan về KKTL trong học tập của HSTH là người DTTS, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của GV về vấn đề này. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

(*) Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

Bảng 1. Đánh giá của GV về KKTL trong học tập của HSTH là người DTTS

STT	Các biểu hiện về KKTL	Điểm trung bình			
		Đầu cấp (lớp 1)	Giữa cấp (lớp 2, 3)	Cuối cấp (lớp 4, 5)	Chung
1	Lo sợ khi phải trả lời câu hỏi của GV	2.55	2.51	2.41	2.49
2	Chưa thích thú với việc đến trường	2.54	2.53	2.43	2.50
3	Cho rằng việc học tập là bắt buộc	2.45	2.32	2.27	2.35
4	Cho rằng việc học tập không quan trọng	2.41	2.31	2.24	2.32
5	Thiếu kỹ năng tự học ở nhà	2.68	2.64	2.57	2.63
6	Chưa tích cực trong học tập	2.49	2.37	2.34	2.40
7	Chưa đáp ứng các yêu cầu về nề nếp sinh hoạt, học tập ở nhà trường	2.65	2.53	2.49	2.55
8	Hạn chế về kỹ năng sử dụng tiếng Việt	2.69	2.63	2.48	2.60
9	Thiếu kỹ năng thực hiện theo các yêu cầu của môn học	2.60	2.57	2.51	2.56
Điểm trung bình của nhóm		2.56	2.49	2.42	2.49

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy: HSTH là người DTTS gặp KKTL trong học tập ở mức độ trung bình ($\bar{X} = 2.49$). Những KKTL này thể hiện ở cả 3 mặt: mặt nhận thức (“cho rằng việc học tập là bắt buộc”, “cho rằng việc học tập không quan trọng”); mặt xúc cảm - thái độ (“lo sợ khi phải trả lời câu hỏi của giáo viên”, “chưa thích thú với việc đến trường”, “chưa tích cực trong học tập”); mặt kỹ năng học tập (“thiếu kỹ năng tự học ở nhà”, “hạn chế về kỹ năng sử dụng tiếng Việt”, “chưa đáp ứng các yêu cầu về nề nếp sinh hoạt, học tập ở nhà trường”, “thiếu kỹ năng thực hiện theo các yêu cầu của môn học”).

Các KKTL khác nhau biểu hiện ở HS DTTS với những mức độ khác nhau. Những khó khăn này có xu hướng giảm dần về cuối cấp. So với HS giữa cấp (lớp 2, 3) và cuối cấp (lớp 4, 5), HS đầu cấp (lớp 1) thường gặp khó khăn ở mức độ cao ($\bar{X} = 2.56$). Có thể giải thích điều này dựa vào đặc điểm tâm lý của HS đầu bậc Tiểu học. Cụ thể, đối với HS lớp 1, hoạt động học tập là hoạt động mới mẻ cả về nội dung lẫn phương thức lĩnh hội tri thức, do đó, so với HS lớp 2, 3 hoặc 4, 5, HS lớp 1 có thể gặp KKTL nhiều hơn.

Nhìn chung, nhóm khó khăn thuộc về mặt kỹ năng học tập biểu hiện rõ rệt nhất ở HS DTTS, trong đó “thiếu kỹ năng tự học ở nhà” là khó khăn có mức ĐTB cao nhất ($\bar{X} = 2.63$)... Tiếp theo,

“hạn chế về kỹ năng sử dụng tiếng Việt” là khó khăn chiếm vị trí thứ 2 ($\bar{X} = 2.60$). Khó khăn chiếm vị trí thứ 3 là “thiếu kỹ năng thực hiện theo các yêu cầu của môn học” ($\bar{X} = 2.56$). Qua quan sát và trò chuyện với GV chúng tôi được biết, những khó khăn này ở HS thường được biểu hiện qua các khía cạnh như: HS thiếu tự giác trong việc học tập ở nhà, không hoàn thành bài tập trước khi đến lớp, thường phát âm không chuẩn khi nói tiếng Việt, chẳng hạn dấu “~” đọc thành dấu “’”, “uya” đọc thành “uê”... Cũng theo nhận xét của GV (85% ý kiến), những HS gặp khó khăn này thường có các biểu hiện như: đọc, viết, làm Toán... không theo kịp hướng dẫn của cô giáo, không đáp ứng được những yêu cầu mà cô giáo đặt ra trong giờ học... Ngoài ra, chưa đáp ứng được các yêu cầu về nề nếp sinh hoạt, học tập ở nhà trường cũng là khó khăn dễ nhận thấy ở HSDTTS, nhất là các HS lớp 1 mới vào trường ($\bar{X} = 2.49$). Tiếp theo là nhóm khó khăn thuộc về mặt xúc cảm - thái độ. HS DTTS thường tỏ ra “lo sợ khi phải trả lời câu hỏi của giáo viên”, nhiều em chưa tích cực trong học tập và thiếu hứng thú với việc tới trường ($\bar{X} = 2.4$ và $\bar{X} = 2.5$). Cuối cùng là nhóm khó khăn thuộc về mặt nhận thức. Những HS gặp khó khăn này thường cho rằng việc các em đi học là do bố mẹ, người lớn bắt buộc ($\bar{X} = 2.35$) hoặc cho rằng việc học tập không quan trọng đối với các em ($\bar{X} = 2.32$).

3.2. Tự đánh giá của HSTH là người DTTS về những KKTL trong học tập

Dựa trên kết quả đánh giá của GV về KKTL

trong học tập của HSTH là DTTS, chúng tôi tiếp tục khảo sát ý kiến của các em về chính bản thân mình. Kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Tự đánh giá của HSTH là người DTTS về những biểu hiện của bản thân có liên quan đến KKTL trong học tập (theo tỷ lệ %)

STT	Các biểu hiện	Nam (n=280)		Nữ (n=280)		Chung (n=560)	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Cảm thấy sợ và lo lắng khi phải phát biểu ý kiến trước tập thể	195	69.6	208	74.0	403	71.9
2	Có khi nghỉ học vì không thích đến trường	145	51.8	123	43.9	268	47.9
3	Chưa hoàn thành bài tập trước khi đến lớp	157	56.0	146	52.1	303	54.1
4	Chưa kiên trì làm xong bài tập cô giao	210	75.0	175	62.5	385	68.8
5	Chưa có thói quen tự học	212	75.7	183	65.3	395	70.0
6	Ngại làm bài tập ở nhà	216	77.1	196	70.0	412	73.6
7	Ngại trình bày, ngại viết bằng tiếng phổ thông	211	75.3	199	71.0	410	73.2
8	Cho rằng việc học tập là bắt buộc	163	58.2	143	51.0	306	54.6
9	Viết hoặc làm bài tập chưa theo kịp yêu cầu của cô giáo	175	62.5	146	52.1	321	57.3

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, trong quá trình học tập, HSTH là người DTTS bộc lộ KKTL ở cả 3 mặt: nhận thức, xúc cảm- thái độ và kỹ năng học tập. Trong đó, những biểu hiện của khó khăn liên quan đến mặt kỹ năng học tập được các em thừa nhận với tỷ lệ ý kiến cao nhất. Chẳng hạn, “ngại làm bài tập ở nhà” chiếm 73.6%, “ngại trình bày, ngại viết bằng tiếng phổ thông” chiếm 73.2%, “chưa có thói quen tự học” chiếm 70.1%... Như vậy, việc đáp ứng những yêu cầu của GV ngoài giờ lên lớp và khả năng sử dụng tiếng Việt của HS DTTS còn nhiều hạn chế (kết quả khảo sát ý kiến của GV cũng cho thấy các kỹ năng như: kỹ năng tự học ở nhà, kỹ năng sử dụng tiếng Việt... là những kỹ năng còn hạn chế nhiều nhất ở HSTH là người DTTS). Qua quan sát và trò chuyện trực tiếp với HS chúng tôi được biết, các em thường không tự giác ôn bài, học bài ở nhà, lúng túng trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập, không hoàn thành các bài tập mà giáo viên đã giao. Qua phỏng vấn sâu chúng tôi được biết, các em thường có tâm lý “ngại học bài”, “sợ học bài”, trong khi đó, về phía gia đình nhiều trường hợp bố mẹ lại thiếu sự hướng dẫn tỉ mỉ, theo sát và đôn đốc đối với các em.

Trong những biểu hiện thuộc về mặt xúc cảm - thái độ, tâm trạng “sợ và lo lắng khi phải phát biểu ý kiến” là khó khăn thứ 3 được đa số HS quan tâm (chiếm 71.9%). Một nét tâm lý chung mà chúng tôi nhận thấy khi tiếp xúc với HS DTTS đó là tính rụt rè, ít cởi mở, ngại giao tiếp với người khác, nhất là người lạ. Trong các giờ học, các em ngại phát biểu, ngại đưa ra ý kiến của mình về các nội dung học tập. Mặt khác, khả năng độc lập trong việc giải quyết các bài tập của các em cũng còn hạn chế.

Ngoài ra, những biểu hiện khác về KKTL như: “chưa kiên trì làm xong bài tập cô giao”, “có khi nghỉ học vì không thích đến trường”, “viết hoặc làm bài tập chưa theo kịp yêu cầu của cô giáo” cũng là những khó khăn được HS DTTS quan tâm. Điều này cho thấy, những khó khăn này đều có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của các em.

So sánh các biểu hiện về KKTL ở HS nam và HS nữ người DTTS chúng tôi nhận thấy có sự khác nhau. Nhìn chung, các em HS nam gặp khó khăn nhiều hơn so với các em nữ. Chẳng hạn, với biểu hiện “viết hoặc làm bài tập chưa theo yêu cầu của cô giáo”, nam chiếm tỷ lệ 62.5%, trong khi nữ chiếm tỷ lệ 52.1%; với biểu hiện “chưa kiên

trì làm xong bài tập cô giao”, nam chiếm tỉ lệ 75.0%, trong khi nữ chiếm tỉ lệ 62.5%; với biểu hiện “chưa có thói quen tự học ở nhà” nam chiếm tỉ lệ 75.7%, trong khi nữ chiếm tỉ lệ 65.3%... Tuy nhiên, với biểu hiện “cảm thấy sợ và lo lắng khi phát biểu ý kiến trước tập thể”, các em nam chỉ chiếm 69.6%, trong khi các em nữ lại chiếm tới 74%. Những điều này có thể giải thích dựa trên đặc điểm về sự phát triển tâm, sinh lý ở lứa tuổi HSTH: các em nam thường hiếu động hơn, mạnh dạn hơn, thích tham gia hoạt động nhiều hơn các

em nữ; còn các em nữ thường có tâm lý e dè, nhút nhát... Những đặc điểm này có thể là nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau về mức độ gặp khó khăn giữa HS nam so với HS nữ.

3.3. Nguyên nhân dẫn đến KKTL trong học tập của HSTH là người DTTS

Để tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến KKTL trong học tập của HSTH là người DTTS, chúng tôi yêu cầu các em tự xác định các nguyên nhân cụ thể. Sau khi xử lý số liệu chúng tôi thu được kết quả ở bảng 3.

Bảng 3. Nguyên nhân dẫn đến KKTL trong học tập của HSTH là người DTTS

STT	Các nguyên nhân	\bar{X}	TB
1	Thiếu sự quan tâm của thầy, cô, gia đình	2.58	7
2	Thiếu sự hướng dẫn về phương pháp học tập	2.52	9
3	Hoàn cảnh gia đình khó khăn	2.32	13
4	Sự khác biệt về văn hoá, phong tục tập quán giữa các dân tộc	2.24	15
5	Lượng kiến thức phải tiếp thu nhiều và khó	2.38	11
6	Môi trường sống bó hẹp, thiếu thông tin, ít được tiếp xúc với nhiều người	2.55	8
7	Thái độ quá nghiêm khắc, thiếu gần gũi, thân thiện của GV	2.28	14
8	Năng lực học tập còn hạn chế	2.65	2
9	Chưa biết sắp xếp thời gian học tập	2.61	4
10	Chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập	2.35	12
11	Tâm lý rụt rè, nhút nhát, không tích cực học hỏi	2.59	6
12	Hạn chế về vốn từ tiếng Việt	2.66	1
13	Chưa biết cách tự học ở nhà	2.60	5
14	Nhận thức không đúng về bản thân	2.47	10
15	Hạn chế về vốn kinh nghiệm sống	2.63	3

Kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến KKTL trong học tập của HSTH là người DTTS, trong đó có cả những nguyên nhân khách quan và những nguyên nhân chủ quan. Trong những nguyên nhân chủ quan thì nguyên nhân “do hạn chế về vốn từ tiếng Việt” có ĐTB cao nhất ($\bar{X} = 2.66$); tiếp đó là các nguyên nhân: “do năng lực học tập còn hạn chế” ($\bar{X} = 2.65$); “hạn chế về vốn kinh nghiệm sống” ($\bar{X} = 2.63$). Qua quan sát chúng tôi nhận thấy, trong quan hệ giao tiếp hàng ngày ở gia đình và trong các mối quan hệ khác, HSTH là người DTTS thường sử dụng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp, ít sử dụng tiếng Kinh nên vốn từ tiếng Việt của các em có phần hạn chế. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế về kỹ năng sử dụng

tiếng Việt ở các em. Mặt khác, thực tế cũng cho thấy, ở nhiều HS DTTS khả năng tư duy sáng tạo còn yếu, các em thường hay suy nghĩ đơn giản, một chiều, thiếu sâu sắc khi nhìn nhận vấn đề. Ở nhiều em, thói quen lao động trí óc chưa bền, các em ngại suy nghĩ, ngại động não, ngại đi sâu tìm hiểu nguyên nhân, ý nghĩa của sự vật, hiện tượng. Ngoài ra, một số nét tâm lý dễ nhận thấy ở HS DTTS đó là tính rụt rè, ít nói, ít bộc lộ mình, thiếu tự tin, thiếu mạnh dạn, không dám phát biểu ý kiến của mình trước tập thể, thiếu kiên trì trong học tập... Tất cả những điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình nhận thức của HSTH là người DTTS, đồng thời cũng chính là nguyên nhân dẫn đến KKTL trong học tập ở các em...

Trong những nguyên nhân khách quan thì

nguyên nhân “do thiếu sự quan tâm của thầy cô, gia đình” được HS cho là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến KKTL trong học tập của các em với $\bar{X} = 2.58$. Điều này cũng dễ hiểu, bởi các gia đình ở miền núi hầu hết là làm nông nghiệp, công việc hết sức vất vả, việc đồng áng, rồi việc nhà đã chiếm phần lớn quỹ thời gian trong ngày của họ. Bởi thế, họ có rất ít thời gian quan tâm tới việc học của con, ít có thời gian hướng dẫn con mình học tập mà phó thác tất cả công việc đó cho nhà trường. Điều này tất yếu dẫn tới việc các em thiếu sự quan tâm hướng dẫn của người lớn về phương pháp học tập - điều rất cần thiết đối với HSTH. Nguyên nhân cơ bản thứ 2 là “do môi trường sống bó hẹp thiếu thông tin” với $\bar{X} = 2,55$. Một điều rõ ràng là môi trường sống ở miền núi có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, vốn hiểu biết của HS DTTS. Với HS DTTS, môi trường sống trước khi đến trường Tiểu học chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình, làng bản. Được đến trường là bước ngoặt lớn trong cuộc đời của các em. Lần đầu tiên các em được tiếp xúc với môi trường học tập, với thầy cô, bạn bè. Tất cả đều mới mẻ, ngỡ ngàng đối với các em khiến các em vừa tò mò, vừa mừng rỡ, nhưng cũng đầy lo âu, thử thách. Bởi vậy, nhiều em có biểu hiện sống khép kín, ít tiếp xúc với mọi người...

Ngoài những nguyên nhân cơ bản nêu trên, các nguyên nhân khác như: “chưa biết sắp xếp thời gian học tập”, “chưa nhận thức được tầm quan trọng của học tập”, “do hoàn cảnh gia đình khó khăn”... cũng đều là những nguyên nhân dẫn đến KKTL trong học tập ở HSTH là người DTTS. Việc tìm ra biện pháp giúp các em tháo gỡ những khó khăn này là một việc cần thiết góp phần giúp

các em nâng cao hiệu quả của hoạt động học tập.

4. Kết luận

Trong quá trình học tập, HSTH là người DTTS có KKTL ở cả 3 mặt: nhận thức, xúc cảm - thái độ và kỹ năng học tập. Tuy nhiên, những KKTL thường gặp nhất ở các em là những xúc cảm tiêu cực gắn liền với sự tự ti, thiếu mạnh dạn, dễ tự ái; sự hạn chế về kỹ năng tự học, kỹ năng sử dụng tiếng Việt và kỹ năng hoạt động nhóm. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến KKTL ở các em, trong đó, tính rụt rè, ngại giao tiếp, sự thiếu kiên trì, thiếu tích cực, độc lập trong học tập là những nguyên nhân cơ bản.

Có thể khắc phục những hạn chế nêu trên ở HSTH là người DTTS nếu trong dạy học và giáo dục, GV là người chủ động xây dựng mối quan hệ thầy - trò gần gũi, thân thiện đối với HS người DTTS; biết cách tác động đến tâm lý của các em một cách phù hợp trên cơ sở có tính đến những đặc điểm của môi trường sống, những khía cạnh đặc trưng về KKTL trong học tập, về tình cảm và xu hướng nhân cách của HS. Đồng thời, GV phải luôn có ý thức trau dồi, nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của HS. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp HS người DTTS nhanh chóng thích ứng với những yêu cầu mới của hoạt động học tập. Ngoài ra, cần phải có sự phối hợp thống nhất, đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục HS, tạo điều kiện để các em phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập và tự rèn luyện bản thân./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [2]. A.N Lêonchiev (1989), *Hoạt động - ý thức - nhân cách*, NXB Giáo dục Hà Nội.
- [3]. Bùi Đình Mỹ, *Tìm hiểu vấn đề đặc trưng tâm lý dân tộc*, Hội nghị Tâm lý học lần thứ 5.
- [4]. Nguyễn Thị Nhất (1992), *6 tuổi vào lớp 1*.
- [5]. Huyền Phan (1995), “Những trở ngại tâm lý khi giao tiếp”, *Dân trí*, số 22.
- [6]. Nguyễn Xuân Thúc (2003), “Khó khăn tâm lý của trẻ em đi học lớp 1”, *Tâm lý học*, số 10.
- [7]. Nguyễn Xuân Thúc (2003), “Trạng thái khó khăn tâm lý và biểu hiện của chúng ở học sinh lớp 1 tiểu học”, *Tâm lý học*, số 11.

Summary

The article aims to mention to the concept of psychological obstacles in learning; to present the survey results and to analyze psychological obstacles in learning of elementary school ethnic students in the northeast of Vietnam indicated by 3 folds - awareness, emotions, attitude and skills to identify the causes of these problems, thence to propose solutions to adapt ethnic students to the learning activities in schools.

Keywords: ethnic students, psychological obstacles, elementary school, Vietnam.

Ngày nhận bài: 23/5/2014; ngày nhận đăng: 4/6/2014.